TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 301/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2025 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1984
Địa chỉ: T 8, xã S, Thành phố H (cũ là T 8, xã S, thành phố T, tỉnh T).
(vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).
Bị đơn: Ông Võ Huy T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: T 10, xã S, Thành phố M (cũ là T 10, xã S, thành phố T, tỉnh T).
(vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Bà và ông Võ Huy T tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 tháng, có tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố T (nay là Ủy ban nhân dân xã S, Thành phố M) vào năm 2002. Sau khi sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 5-2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình vì vậy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Ông Tính không có trách nhiệm với vợ con, không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình mà để một mình bà phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình cũng như học hành của các con. Từ tháng 5-2022, bà và ông Tính đã sống ly thân, bà về nhà bố mẹ ở thôn 8, xã S, Thành phố M sinh sống còn ông T sống ở thôn 10, xã S, Thành phố M. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Huy T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Võ Tấn L, sinh năm 2002 và Võ Tấn H, sinh năm 2005. Hiện nay, cháu L và cháu H đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Võ Huy T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với ông Võ Huy T có địa chỉ cư trú tại thành phố T. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Huy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Huy T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T thì thấy: Theo bà T nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình vì vậy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, không chịu lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình mà để một mình bà phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình cũng như học hành của các con. Từ tháng 5-2022, bà T và ông T đã sống ly thân, bà Trinh về nhà bố mẹ ở thôn 8, xã S, Thành phố M sinh sống còn ông Tính sống ở thôn 10, xã S, Thành phố M. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau

Theo xác minh tại địa phương vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Võ Huy T đăng ký kết hôn năm 2002 và cư trú tại Tổ 5, Thôn 10, xã S, Thành phố M từ đó đến nay. Khoảng 02 năm gần đây ông T và bà T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, ông T và bà T không xảy ra xô xát gây mất trật tự an ninh địa phương nên địa phương chưa tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông T lần nào. Ông T và bà T có 02 con chung là Võ Tấn L, sinh năm 2002 và Võ Tấn H, sinh năm 2005. Hai cháu hiện đang đi học và phát triển bình thường.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T là có thật. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Tấn L, sinh năm 2002 và Võ Tấn H, sinh năm 2005. Hiện nay, cháu L và cháu H đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Võ Huy T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T ly hôn với ông Võ Huy T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Tấn L, sinh năm 2002 và Võ Tấn H, sinh năm 2005. Hiện nay, cháu L và cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003044 ngày 15-05-2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11, TP.M;
- TAND Thành phố M;
- Phòng THA dân sự Khu vực 11, TP.M;
- Các đương sự;
- UBND xã S , TP.M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương